



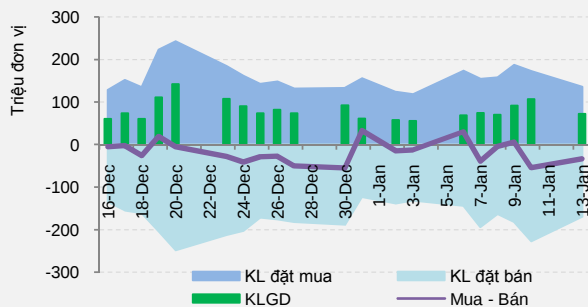
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 13/1/2014

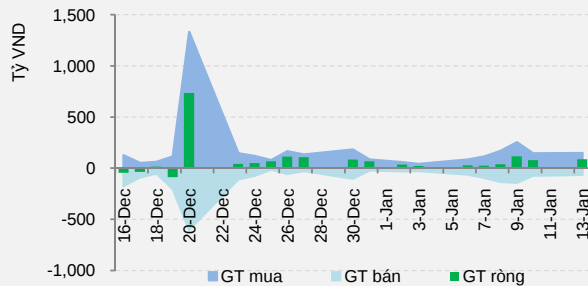
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	521.1	71.1
% Thay đổi	↑ 0.4%	↑ 0.4%
KLGD (CP)	71,994,499	47,481,413
GTGD (tỷ đồng)	1,145.22	419.60
Tổng cung (CP)	169,087,760	88,737,700
Tổng cầu (CP)	135,658,800	83,166,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	4,133,195	341,700
KL mua (CP)	5,682,200	1,186,000
GTmua (tỷ đồng)	150.09	14.38
GT bán (tỷ đồng)	63.25	6.23
GT ròng (tỷ đồng)	86.83	8.14

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.32%	7.4	1.7	4.1%
Công nghiệp	↑ 0.15%	266.8	1.2	21.5%
Dầu khí	↑ 2.81%	8.7	1.7	6.3%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.62%	14.6	2.0	3.7%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.40%	9.1	2.9	0.9%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.33%	12.4	5.0	10.2%
Ngân hàng	↓ -0.50%	10.8	1.3	6.7%
Nguyên vật liệu	↑ 0.27%	10.8	2.1	7.2%
Tài chính	↓ -0.20%	17.5	2.4	27.1%
Tiện ích Cộng đồng	↑ 3.03%	9.8	3.6	12.3%
VN - Index	↑ 0.42%	12.4	3.0	74.2%
HNX - Index	↑ 0.41%	18.0	1.8	25.8%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE

	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	709,110	1.0%	2,118,840	2.9%
GTGD (triệu VND)	24,513	2.1%	59,636	5.2%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index tiếp phiên tăng điểm nhờ diễn biến tích cực của nhóm cổ phiếu dầu khí (GAS, PVD, PGD...). Loại trừ tác động của nhóm cổ phiếu này, thị trường chung đã ghi nhận phiên điều chỉnh giảm nhẹ khi tiền gần ngưỡng cản kỹ thuật đường biên trên của kênh tăng giá thiết lập từ tháng 10/2013. Dòng tiền vẫn quan tâm đến nhóm cổ phiếu bluechips thuộc ngành nghề kinh doanh dự kiến triển vọng trong năm 2014, tuy nhiên áp lực cung giá cao đang có xu hướng gia tăng. Thị trường cũng xuất hiện diễn biến bước đầu tích cực hơn từ dòng cổ phiếu penny sau thời gian điều chỉnh tích lũy. Theo quan điểm kỹ thuật, chỉ số VN-Index đang diễn biến điều chỉnh tích lũy, phản ứng với đường biên trên của kênh tăng giá. Mức độ điều chỉnh nhẹ với thanh khoản thấp chưa cho tín hiệu tiêu cực về xu hướng. Thị trường dự báo tiếp tục tăng điểm sau một vài phiên điều chỉnh, với ngưỡng cản kỹ thuật cần quan tâm là khoảng 530 điểm.

Chỉ số HNX-Index trở lại tăng điểm nhẹ với thanh khoản thấp, nhờ diễn biến tích cực của nhóm cổ phiếu dầu khí, xây dựng. Dòng tiền tại sàn HNX vẫn tập trung vào một nhóm nhỏ cổ phiếu thuộc ngành nghề được đánh giá khả quan, lượng cổ phiếu nhỏ không có giao dịch hoặc thanh khoản thấp vẫn chiếm đa số. Theo quan điểm kỹ thuật, chỉ số HNX-Index đang theo diễn biến điều chỉnh, kiểm định lại đường biên trên của kênh tăng giá thiết lập từ tháng 9/2013. Diễn biến giao dịch hẹp với thanh khoản thấp trong thời gian điều chỉnh chưa cho tín hiệu xấu về kỹ thuật. Xu hướng tăng điểm của thị trường vẫn đang duy trì, với ngưỡng cản cần quan tâm là khoảng 73-74 điểm, tương đương mức mở rộng 100% của đường Fibonacci Projection, vẽ từ xu hướng tăng cuối tháng 11/2012.

Dòng tiền có thể quan tâm hơn đến nhóm cổ phiếu penny, trong thời gian nhóm cổ phiếu Bluechips điều chỉnh tích lũy. Tuy nhiên chúng tôi duy trì quan điểm nhóm cổ phiếu Bluechips midcap đầu ngành, cổ phiếu được hưởng lợi từ quyết định nới room, cổ phiếu thuộc ngành nghề kỹ thuật khá quan trọng năm 2014 như xuất khẩu, xây dựng hạ tầng, BĐS... vẫn là những tiêu chí được đánh giá cao khi nhà đầu tư lựa chọn cổ phiếu.

- VN-Index tăng 2.17 điểm (0.42%), lên 521.11 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 518.78 điểm.

- HNX-Index tăng 0.28 điểm (0.40%), lên 71.05 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 70.62 điểm.

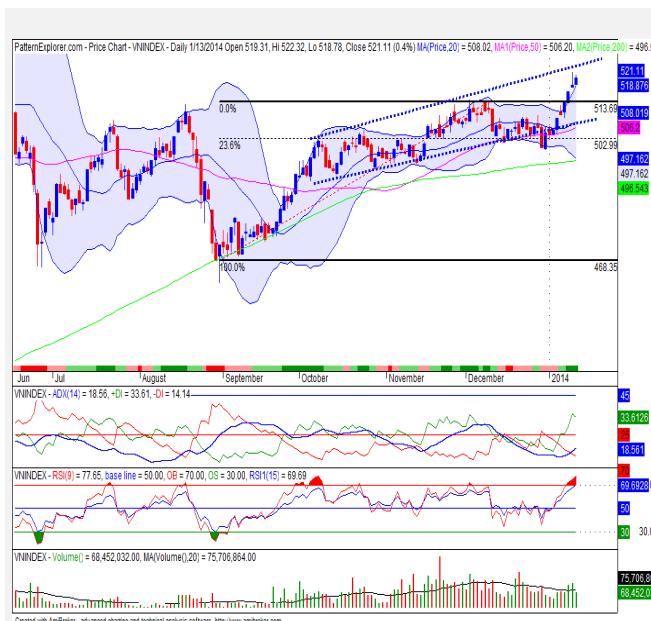
- Tính đến 31/12/2013, tín dụng toàn hệ thống tăng 12.51% so với cuối năm 2012, cao hơn mức tăng trưởng mục tiêu 12%. Dòng tín dụng tăng trưởng đột biến trong nửa cuối tháng 12, với giá trị đạt 113 nghìn tỷ đồng khi tính đến ngày 12/12/2013, tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống mới đạt 8.83%. NHNN đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2014 khoảng 12-14%, tương đương khoảng 417-486 nghìn tỷ đồng.

- Về định hướng điều hành lãi suất tỷ giá năm 2014, NHNN sẽ chỉ đạo các Ngân hàng giảm mặt bằng lãi suất cho vay 1-2% nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, ngay cả khi mặt bằng huy động vẫn giữ nguyên. Về tỷ giá, NHNN khẳng định duy trì chủ trương ổn định, sự điều chỉnh trong năm 2014 nếu có sẽ không quá 2%. Dự kiến, trong tháng 1, NHNN sẽ ban hành các văn bản định hướng hoạt động ngành Ngân hàng, trong đó có TT 02 sửa đổi.

- Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 195 hướng dẫn chế độ tài chính của NHNN, có hiệu lực từ ngày 3/2/2014. NHNN cũng vừa ban hành Thông tư 39 quy định về việc trích lập, quản lý và sử dụng khoản dự phòng rủi ro của NHNN. Những động thái này dự kiến là những bước chuẩn bị về pháp lý nhằm nâng cao vai trò quản lý của NHNN, đặc biệt là nhiệm vụ chống vàng hóa, đô la hóa nền kinh tế, huy động nguồn lực từ hệ thống dân cư phục vụ cho đầu tư phát triển.



VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Đi ngang	Tăng	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tăng 2.17 điểm (0.42%), lên 521.11 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 518.78 điểm.

- KLGD giảm 26%, xuống 68 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tăng lên mức 70 điểm, chạm mức quá mua. Chỉ báo MACD 9 ngày tiếp tục nở rộng khoảng cách phía trên đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng tăng điểm.

Nhận định: Chỉ số VN-Index tiếp phiên tăng điểm nhờ diễn biến tích cực của nhóm cổ phiếu dầu khí (GAS, PVD, PGD...). Loại trừ tác động của nhóm cổ phiếu này, thị trường chung đã ghi nhận phiên điều chỉnh giảm nhẹ khi tiến gần ngưỡng cản kỹ thuật đường biên trên của kênh tăng giá thiết lập từ tháng 10/2013. Dòng tiền vẫn quan tâm đến nhóm cổ phiếu bluechips thuộc ngành nghề kinh doanh dự kiến triển vọng trong năm 2014, tuy nhiên áp lực cung giá cao đang có xu hướng gia tăng. Thị trường cũng xuất hiện diễn biến bước đầu tích cực hơn từ dòng cổ phiếu penny sau thời gian điều chỉnh tích lũy.

Theo quan điểm kỹ thuật, chỉ số VN-Index đang diễn biến điều chỉnh tích lũy, phản ứng với ngưỡng cản kỹ thuật khoảng 520 điểm. Mức độ điều chỉnh nhẹ với thanh khoản thấp chưa cho tín hiệu tiêu cực về xu hướng. Thị trường dự báo tiếp tục tăng điểm sau thời gian điều chỉnh, với ngưỡng cản kỹ thuật cần quan tâm là khoảng 530 điểm.

Dòng tiền có thể quan tâm hơn đến nhóm cổ phiếu penny, trong thời gian nhóm cổ phiếu Bluechips điều chỉnh tích lũy. Tuy nhiên chúng tôi duy trì quan điểm nhóm cổ phiếu Bluechips midcap đầu ngành, cổ phiếu được hưởng lợi từ quyết định nới room, cổ phiếu thuộc ngành nghề kỳ vọng khả quan năm 2014 như xuất khẩu, xây dựng hạ tầng, BĐS... vẫn là những tiêu chí được đánh giá cao khi nhà đầu tư lựa chọn cổ phiếu.

HNX-INDEX

- HNX-Index tăng 0.28 điểm (0.40%), lên 71.05 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 70.62 điểm.

- KLGD giảm 10% so với phiên giao dịch trước, xuống 46 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI 14 tăng nhẹ lên mức 77.7 điểm, vẫn ở mức quá mua. Chỉ báo MACD 9 ngày tiếp tục nở rộng khoảng cách phía trên đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng tăng.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index trở lại tăng điểm nhẹ với thanh khoản thấp, nhờ diễn biến tích cực của nhóm cổ phiếu dầu khí, xây dựng. Dòng tiền tại sàn HNX vẫn tập trung vào một nhóm nhỏ cổ phiếu thuộc ngành nghề được đánh giá khả quan, lượng cổ phiếu nhỏ không có giao dịch hoặc thanh khoản thấp vẫn chiếm đa số.

Theo quan điểm kỹ thuật, chỉ số HNX-Index đang trong xu hướng điều chỉnh, kiểm định lại đường biên trên của kênh tăng giá thiết lập từ tháng 9/2013. Diễn biến giao dịch hẹp với thanh khoản thấp trong thời gian điều chỉnh chưa cho tín hiệu xấu về kỹ thuật. Xu hướng tăng điểm của thị trường vẫn đang duy trì, với ngưỡng cản cần quan tâm là khoảng 73-74 điểm, tương đương mức mở rộng 100% của đường Fibonacci Projection, về từ xu hướng tăng cuối tháng 11/2012.

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 9 THÁNG 2013 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	GAS	HOSE	17066.94	104.3%	2989.03	120.4%	48869.23	92.1%	10189.98	42.5%	132.5%	219.0%
2	VIC	HOSE	8469.59	660.5%	1874.71	1964.3%	11600.52	228.9%	5956.06	340.6%	79.4%	1278.0%
3	VNM	HOSE	8027.72	121.3%	1690.47	121.1%	22774.57	116.8%	5064.09	21.4%	81.3%	4900.0%
4	DPM	HOSE	1902.32	56.4%	365.09	65.7%	8001.97	76.5%	1958.21	-21.5%	102.3%	2949.0%
5	HPG	HOSE	4194.85	104.3%	496.09	171.8%	12474.01	98.8%	1464.62	78.9%	122.1%	4492.0%
6	PPC	HOSE	1200.53	174.8%	99.43	181.8%	4845.61	167.8%	1399.38	1791.8%	417.2%	1130.0%
7	PVD	HOSE	3865.87	116.1%	520.03	105.8%	10395.31	124.9%	1392.61	20.6%	102.4%	3879.0%
8	FPT	HOSE	12000.6	121.6%	330.59	97.7%	29948.2	105.2%	1133.7	3.9%	57.1%	4900.0%
9	PVS	HNX	7665.17	114.1%	482.2	137.1%	19289.7	106.3%	1024.4	8.8%	129.7%	2329.0%
10	REE	HOSE	560.74	101.6%	199.87	260.2%	1683.5	97.0%	838.95	71.8%	129.1%	4503.0%

CỔ PHIẾU CÓ KẾT QUẢ KINH DOANH LỖ TRONG 2 NĂM LIÊN TIẾP VÀ 9T/2013

STT	Mã	Sàn	LNST 2011	LNST 2012	LNST Q1 (tỷ)	% so Q1.2012	LNSTQ2 (tỷ)	% so Q2.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	LNST 9T (tỷ)	% so 9T.2012
1	GGG	HNX	(65.26)	(27.34)	0.07	100.8%	(7.05)	11.8%	(7.01)	6.8%	(13.99)	42.6%
2	HHL	HNX	(12.96)	(14.13)	(0.78)	80.5%	(2.89)	20.8%	(0.75)	48.3%	(4.42)	51.4%
3	ILC	HNX	(31.81)	(9.76)	(3.74)	-94.8%	(5.22)	31.9%	(3.41)	-1520.8%	(12.37)	-32.3%
4	KSD	HNX	(16.43)	(34.90)	(0.81)	95.9%	(1.62)	88.1%	1.11	223.3%	(1.32)	96.1%
5	MIC	HNX	(15.16)	(9.73)	0.16	106.0%	0.10	102.1%	(1.07)	-136.9%	(0.81)	82.4%
6	MMC	HNX	(2.78)	(3.96)	(2.74)	-3.4%	(1.04)	-79.3%	(1.17)	-20.6%	(4.95)	-17.9%
7	PHS	HNX	(47.39)	(101.47)	(2.27)	83.6%	(3.73)	89.8%	(8.13)	48.8%	(14.13)	78.7%
8	PVA	HNX	(2.16)	(144.87)	(2.43)	-169.8%	(16.29)	-1562.2%	(3.71)	70.9%	(22.43)	-118.8%
9	PVX	HNX	(19.12)	(1,338.39)	(31.87)	-578.5%	(1,194.45)	-151.7%	(173.22)	-1095.4%	(1,399.54)	-190.2%
10	S96	HNX	(46.90)	(5.15)	(0.79)	13.2%	(0.19)	79.3%	(0.31)	80.3%	(1.29)	62.1%
11	SDB	HNX	(28.93)	(35.74)	(8.37)	-46.8%	(14.75)	-38.6%	(9.89)	-5.2%	(33.01)	-28.2%
12	SDY	HNX	(17.88)	(4.83)	(4.01)	-56.0%	(3.68)	-183.1%	(0.81)	-143.1%	(8.50)	-327.1%
13	SHN	HNX	(146.02)	(127.02)	(2.70)	84.4%	(53.16)	22.0%	(6.75)	72.0%	(62.61)	42.9%
14	SJM	HNX	(8.38)	(11.54)	(0.91)	-175.8%	0.23	103.5%	0.07	102.3%	(0.61)	93.9%
15	VCV	HNX	(6.54)	(44.15)	(9.80)	-230.0%	(15.31)	-42.3%	(6.80)	30.7%	(31.91)	-35.6%
16	VHH	HNX	(3.77)	(1.34)	(1.98)	-275.2%	0.25	-51.9%	(1.29)	32.8%	(3.02)	-1018.5%
17	VTC	HNX	(7.55)	(3.28)	(2.53)	23.3%	(0.80)	28.6%	0.26	117.9%	(3.07)	47.7%

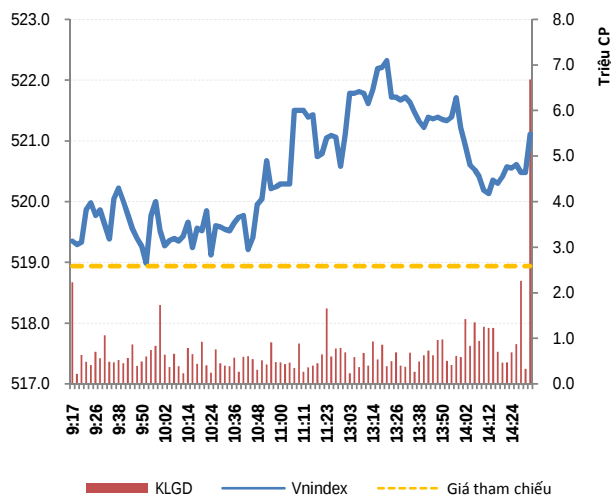
Ghi chú: Top cổ phiếu lợi nhuận chỉ lọc những CP có KLGD bình quân trong 1 tháng gần nhất trên 50.000 cổ phiếu/phiên

Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 11/12/2013

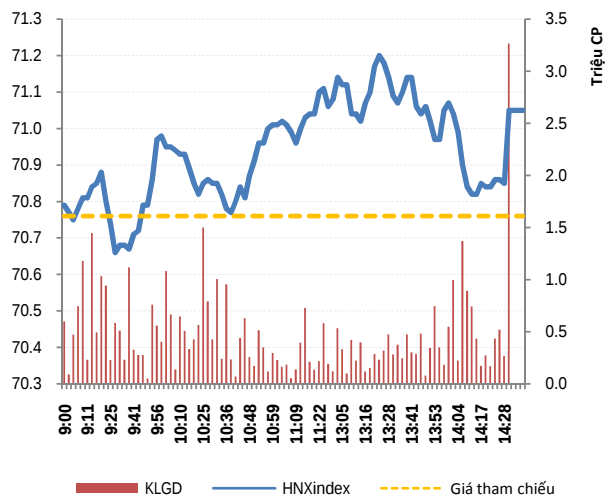
EPS tính theo 4 quý gần nhất, BVPS tính theo BCTC gần nhất



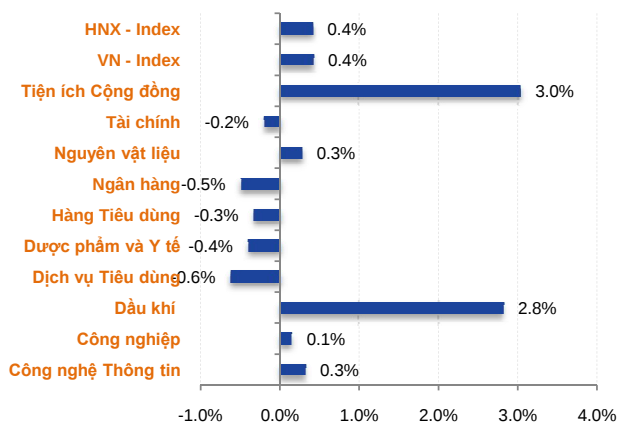
KLGD và VN-Index trong phiên



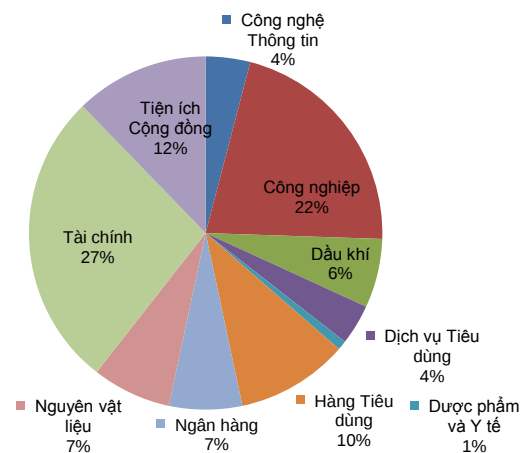
KLGD và HNX-Index trong phiên



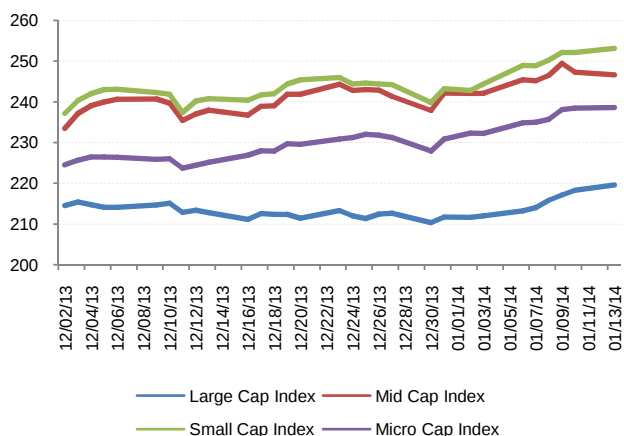
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



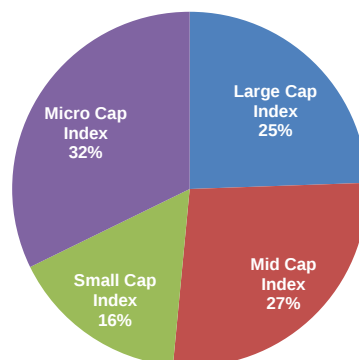
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SSI	723,270	PVT	326,210
2	VCB	537,510	KMR	303,035
3	GAS	416,940	PET	300,430
4	VIP	173,570	NTL	207,500
5	PVD	147,550	HAG	169,100

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VND	360,500	DBC	115,000
2	SHB	288,400	SHN	60,000
3	KLS	200,000	MEC	20,000
4	KLF	49,000	VCS	11,000
5	PVS	47,200	PVX	5,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SSI	19.1	19.3	↑ 1.05%	4,751,200
ITA	6.5	6.4	↓ -1.54%	3,086,900
HQC	8.0	8.0	→ 0.00%	2,916,730
FLC	9.1	8.9	↓ -2.20%	2,697,420
KMR	7.6	7.6	→ 0.00%	2,652,825

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVX	3.1	3.2	↑ 4.32%	7,404,963
SHN	5.5	5.1	↓ -7.96%	5,274,998
KLS	9.4	9.4	↓ -0.24%	2,806,257
VND	11.5	11.5	↓ -0.35%	2,331,103
SCR	7.8	7.8	↓ -0.55%	2,209,479

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SJS	20.2	21.6	1.4	↑ 6.93%
ASIAGF	8.8	9.4	0.6	↑ 6.82%
HAX	4.4	4.7	0.3	↑ 6.82%
PTB	38.7	41.3	2.6	↑ 6.72%
SZL	19.5	20.8	1.3	↑ 6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SDC	6.4	7.4	1.0	↑ 15.63%
GGG	3.0	3.3	0.3	↑ 10.00%
SDG	21.0	23.1	2.1	↑ 10.00%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
NST	7.0	7.6	0.6	↑ 8.57%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
COM	28.8	26.8	-2.0	↓ -6.94%
PDR	14.4	13.4	-1.0	↓ -6.94%
ITD	8.8	8.2	-0.6	↓ -6.82%
PTL	3.2	3.0	-0.2	↓ -6.25%
VIS	11.4	10.7	-0.7	↓ -6.14%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CCM	12.0	10.8	-1.2	↓ -10.00%
PPE	3.0	2.7	-0.3	↓ -10.00%
SDN	23.0	20.7	-2.3	↓ -10.00%
SHA	6.1	5.5	-0.6	↓ -9.84%
TET	10.2	9.2	-1.0	↓ -9.80%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	4,751,200	9.9%	1,471	13.1	1.3
ITA	3,086,900	0.2%	26	248.4	0.6
HQC	2,916,730	4.2%	452	17.7	0.7
FLC	2,697,420	6.3%	990	9.0	0.6
KMR	2,652,825	3.2%	377	20.2	0.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVX	7,404,963	-92.1%	(5,013)	-	0.8
SHN	5,274,998	-135.7%	(2,464)	-	6.2
KLS	2,806,257	6.4%	810	11.5	0.7
VND	2,331,103	10.9%	1,305	8.7	0.9
SCR	2,209,479	-1.1%	(160)	-	0.5

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SJS	↑ 6.9%	-9.2%	(1,433)	-	1.4
ASIAGF	↑ 6.8%	N/A	N/A	N/A	N/A
HAX	↑ 6.8%	2.7%	203	23.2	0.6
PTB	↑ 6.7%	40.3%	7,644	5.4	2.0
SZL	↑ 6.7%	11.4%	3,202	6.5	0.7

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SDC	↑ 15.6%	6.6%	1,254	5.9	0.4
GGG	↑ 10.0%	-566.7%	(1,900)	-	905.8
SDG	↑ 10.0%	20.8%	3,236	7.1	1.4
VE4	↑ 10.0%	6.9%	987	8.9	0.6
NST	↑ 8.6%	-0.7%	(101)	-	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	723,270	9.9%	1,471	13.1	1.3
VCB	537,510	9.8%	1,757	15.7	1.5
GAS	416,940	40.9%	6,696	10.8	4.1
VIP	173,570	15.3%	2,464	4.9	0.7
PVD	147,550	20.2%	6,603	10.1	1.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	360,500	10.9%	1,305	8.7	0.9
SHB	288,400	17.1%	1,884	3.7	0.6
KLS	200,000	6.4%	810	11.5	0.7
KLF	49,000	5.8%	880	16.5	1.3
PVS	47,200	17.3%	2,872	8.5	1.4

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	136,440	40.9%	6,696	10.8	4.1
VNM	114,185	40.5%	8,053	17.0	6.8
VIC	64,520	47.1%	6,710	10.6	3.9
VCB	63,729	9.8%	1,757	15.7	1.5
MSN	63,202	2.7%	554	155.3	4.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,652	7.5%	1,027	15.5	1.1
PVS	10,855	17.3%	2,872	8.5	1.4
SQC	8,602	1.6%	198	395.7	6.4
SHB	6,203	17.1%	1,884	3.7	0.6
OCH	5,460	5.9%	687	39.7	2.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PXM	3.34	670.8%	(12,445)	-	(0.3)
CLG	3.15	12.5%	1,402	6.3	0.8
ASIAGF	2.55	N/A	N/A	N/A	N/A
BVH	2.49	9.0%	1,618	23.9	2.2
SJS	2.37	-9.2%	(1,433)	-	1.4

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TTZ	13.08	-0.2%	(21)	-	0.5
GGG	7.29	-566.7%	(1,900)	-	905.8
V15	7.19	-28.2%	(2,889)	-	0.4
NVC	6.46	442.9%	(8,371)	-	(0.5)
ITQ	5.59	0.4%	42	130.5	0.5



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)